

LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TRẦN DŨNG HÀ
TRƯỞNG PHÒNG CHẾ ĐỘ BHXH
BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH

Cơ sở pháp lý

1. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

2. Nghị quyết Số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách BHXH 1 lần đối với người lao động;

3. Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

4. Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

5. Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;



MỤC TIÊU CỦA LUẬT BHXH 2014

Mở rộng đối tượng tham gia BHXH

Đảm bảo sự bình đẳng khi tham gia và thụ hưởng BHXH

Hoàn thiện các chính sách BHXH nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia BHXH

Đảm bảo nguyên tắc đóng hưởng và sự bền vững của hệ thống BHXH

Minh bạch, đơn giản thủ tục để thực hiện



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển bảo hiểm xã hội.
2. Xây dựng chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản pháp luật về bảo hiểm xã hội.
3. Xây dựng và trình Chính phủ chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.
4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.
5. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.
6. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội, trừ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này.
7. Trình Chính phủ quyết định biện pháp xử lý trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng về bảo hiểm xã hội của người lao động.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội; chi phí quản lý bảo hiểm xã hội.
2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thực hiện quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội.
3. Hằng năm, gửi báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp và báo cáo Chính phủ.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Trách nhiệm của UBND các cấp

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.
2. Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.
3. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.
4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội.
5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn

1. Tổ chức công đoàn có các quyền sau đây:

- a) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội;
- b) Yêu cầu người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động;
- c) Giám sát và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- d) Khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động theo quy định tại khoản 8 Điều 10 của Luật công đoàn.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn

2. Tổ chức công đoàn có các trách nhiệm sau đây:

- a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội cho người lao động;
- b) Tham gia thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- c) Kiến nghị, tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Trách nhiệm của MTTQ Việt Nam và các thành viên

- Tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, chủ động tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội phù hợp với bản thân và gia đình;
- Tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên;
- Phản biện xã hội, tham gia với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Quyền và trách nhiệm của NLĐ

- Được quản lý sổ BHXH
- Được hưởng BHYT trong thời gian nghỉ thai sản, nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau đối với người mắc bệnh dài ngày thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày;
- Được cung cấp thông tin về quá trình đóng BHXH;

Quyền và trách nhiệm của NSDLĐ

- Không giữ lại 2% quỹ ốm đau, thai sản;
- Định kỳ 6 tháng niêm yết công khai thông tin về đóng BHXH cho người lao động;
- Hàng năm, niêm yết công khai thông tin đóng BHXH của người lao động do cơ quan BHXH cung cấp



CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Quyền và trách nhiệm của cơ quan BHXH

- Yêu cầu NSDLĐ xuất trình sổ quản lý lao động, bảng lương và thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc đóng, hưởng;
- Được cung cấp thông tin liên quan đến thành lập DN, mã số thuế, tình hình sử dụng và thay đổi lao động;
- Hàng năm, xác nhận việc đóng BHXH cho từng người lao động; cung cấp thông tin v/v đóng BHXH của người lao động để NSDLĐ niêm yết công khai;
- Quyền thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH;
- Xử lý vi phạm pháp luật về BHXH
- Công khai trên phương tiện thông tin truyền thông về NSDLĐ vi phạm nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN.

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Các hành vi bị cấm

1. Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.
2. Chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
3. Chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
4. Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
5. Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp không đúng pháp luật.
6. Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động.
7. Truy cập, khai thác trái pháp luật cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
8. Báo cáo sai sự thật; cung cấp thông tin, số liệu không chính xác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.



PHẦN 1

ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

I. Đối tượng đóng BHXH:

1. Người lao động là công dân Việt Nam, bao gồm:

- a) Người làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn, HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả HĐLĐ được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;
- b) Người làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 1 tháng đến dưới 3 tháng.*
- c) Cán bộ, công chức, viên chức;
- d) Công nhân QP, công nhân CAND, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;
- e) SQ, QNCN QĐND; SQ, Hạ SQ nghiệp vụ, SQ, hạ SQ chuyên môn kỹ thuật CAND; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;
- f) Hạ SQ, chiến sĩ QĐND; hạ SQ, chiến sĩ CAND phục vụ có thời hạn; học viên QĐ, CA, CY đang theo học hưởng sinh hoạt phí;
- g) Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- h) Người quản lý DN, người quản lý điều hành HTX có hưởng tiền lương;
- i) Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

2. Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ.

3. Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Lưu ý về đối tượng tham gia BHXH

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA



II. Mức đóng, phương thức đóng

Đối tượng	Người lao động	Người sử dụng lao động	Phương thức đóng
a, b, c, d, đ, h khoản 1 điều 2	8% Lương tháng vào quỹ HT, TT	18% lương tháng: 3%: OD, TS 1%: TNLD, BNN 14%: HT, TT	Hàng tháng
e khoản 1 điều 2 (QĐ, CA, CY)		23% Lương cơ sở: 1%: TNLD, BNN 22%: HT, TT	Hàng tháng
g khoản 1 điều 2 (người đi làm việc ở nước ngoài, phu quân hoặc phu nhân)	- 22% Lương tháng vào quỹ HT, TT trước khi đi làm việc nước ngoài nếu đã tham gia BHXH; - 22% x 2 lần Lương cơ sở vào quỹ HT, TT nếu chưa tham gia BHXH hoặc đã hưởng BHXH 1 lần		03 tháng hoặc 6 tháng hoặc 12 tháng hoặc đóng 01 lần theo thời hạn HD
i khoản 1 điều 2 (Hoạt động không chuyên trách)	8% lương cơ sở vào quỹ HT, TT	14% lương cơ sở vào quỹ HT, TT	Hàng tháng
Hưởng lương khoán, lương theo SP	8% Lương tháng vào quỹ HT, TT	18% lương tháng: 3%: OD, TS; 1%: TNLD, BNN; 14%: HT, TT	Hàng tháng hoặc 3 tháng hoặc 6 tháng

Lưu ý về tiền lương tháng đóng BHXH

Đối tượng	Tiền lương tháng đóng BHXH
Người lao động theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định	Tiền lương theo ngạch, bậc + PC (CV + TNVK + TNN) Tối đa bằng 20 lần lương cơ sở.
Người lao động theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định	Mức lương và phụ cấp lương ghi trong HĐLĐ hoặc HĐLV. (từ 01/01/2016 – 31/12/2017) Mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác ghi trong HĐLĐ hoặc HĐLV. (từ 01/01/2018 trở đi) Thấp nhất = lương tối thiểu vùng; cao nhất = 20 lần lương cơ sở.
Người quản lý DN	Tiền lương do DN quyết định trừ viên chức quản lý chuyên trách trong Cty TNHH 1 TV do NN là chủ sở hữu
Người quản lý điều hành HTX	Tiền lương do Đại hội thành viên quyết định

Phụ cấp phải đóng BHXH: Chức vụ, Thâm niên, NNĐH, Trách nhiệm, Khu vực, Lưu động, Thu hút và các PC có t/c tương tự.

Các khoản bổ sung khác không đóng BHXH: tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác

III. Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc đối với người sử dụng lao động:

1. Các trường hợp tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất :

a) Tạm dừng sản xuất, kinh doanh từ 01 tháng trở lên do gặp khó khăn khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc do khủng hoảng, suy thoái kinh tế hoặc thực hiện chính sách của Nhà nước khi tái cơ cấu nền kinh tế hoặc thực hiện cam kết quốc tế;

b) Gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa.

2. Điều kiện tạm dừng khi có 01 trong 02 điều kiện sau:

1. Không bố trí được việc làm cho NLĐ, trong đó số lao động tham gia BHXH phải tạm thời nghỉ việc chiếm 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh

2. Bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không tính tài sản là đất)

III. Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc (tt)

3. Thời gian tạm dừng đóng:

- Không quá 12 tháng. Trong thời gian tạm dừng đóng quỹ HT, TT thì người SDLĐ vẫn đóng vào quỹ OĐ, TS, TNLĐ, BNN

Trong thời gian tạm dừng đóng mà NLĐ đủ điều kiện hưởng hưu trí hoặc tử tuất hoặc chấm dứt HĐLĐ thì người SDLĐ và NLĐ thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng.

- Hết thời gian tạm dừng thì tiếp tục đóng BHXH và đóng bù cho thời gian tạm dừng, số tiền đóng bù không bị tính lãi chậm nộp.

4. Thẩm quyền giải quyết tạm dừng đóng:

Cơ quan BHXH giải quyết tạm dừng đóng từ ngày có văn bản của người SDLĐ nếu đủ điều kiện

IV. Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc đối với người lao động bị tạm giam:

NLĐ bị tạm giam thì cả NLĐ và người SDLĐ được tạm dừng đóng.

IV. Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc đối với người lao động bị tạm giam (tt):

Nếu xác định có tội thì không phải đóng bù cho thời gian tạm giam; nếu xác định bị oan thì thực hiện đóng bù cho thời gian tạm giam.

Trường hợp người lao động là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng, công nhân công an và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu thì người lao động và người sử dụng lao động thực hiện việc đóng bù bảo hiểm xã hội.

Các trường hợp khác thì việc đóng bù thông qua người sử dụng lao động trên cơ sở tiền đóng bảo hiểm xã hội do cơ quan có trách nhiệm bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đảm bảo.

Số tiền đóng bù không phải tính lãi chậm nộp

V. Tạm dừng đóng BHXH bắt buộc đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, khi tạm thời bị mất việc làm được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài xác nhận thì thời gian này được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

Sau thời gian tạm thời mất việc làm nếu người lao động trở lại làm việc thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, không thực hiện việc đóng bù bảo hiểm xã hội cho thời gian bị mất việc làm tạm thời.

VI. Truy thu, truy đóng tiền lương đóng BHXH bắt buộc:

Các trường hợp truy thu, truy đóng bao gồm:

- a) Điều chỉnh tăng tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động;
- b) Đóng bù thời gian chưa đóng của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

VI. Truy thu, truy đóng tiền lương đóng BHXH bắt buộc (tt):

Đối với các trường hợp nêu trên, số tiền truy thu không phải tính lãi chậm đóng.

Trường hợp sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định điều chỉnh tăng tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động về nước mới thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội thì số tiền truy thu bảo hiểm xã hội được tính bao gồm số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định và tiền lãi truy thu tính trên số tiền phải đóng.

Lãi suất truy thu được lấy bằng lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề của năm tính truy thu.

VII. Các hình thức đầu tư quỹ BHXH

1. Mua trái phiếu Chính phủ.
2. Gửi tiền, mua trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Cho ngân sách nhà nước vay.

Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về các hình thức đầu tư và cơ cấu đầu tư của quỹ trên cơ sở đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội.

BHXH Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo toàn và tăng trưởng quỹ. Hoạt động đầu tư phải bảo đảm an toàn, hiệu quả và thu hồi được vốn đầu tư.

Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư được bổ sung vào quỹ BHXH, trích chi phí quản lý BHXH.

The background of the slide features a large, light blue circular logo. Inside the circle is a white stylized tree with a central trunk and five main branches. The branches are further divided into smaller leaf-like shapes. At the top of the trunk is a small white circle. The text "BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM" is written in white capital letters along the bottom inner edge of the blue circle.

PHẦN 2

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

CHẾ ĐỘ ỒM ĐAU

1. Điều kiện hưởng:

- Người lao động đang tham gia BHXH bị ốm đau, tai nạn không phải TNLĐ, BNN hoặc TNLĐ, BNN tái phát phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở y tế;
- Phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau dưới 7 tuổi và có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền.
- Lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con mà thuộc các trường hợp trên

Không được hưởng:

- Tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy.
- Điều trị lần đầu do TNLĐ, BNN.
- Bị ốm đau, tai nạn trong thời gian: nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không lương, nghỉ hưởng chế độ thai sản.

CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

2. Người lao động bị ốm đau không phải bệnh dài ngày

2.1 Thời gian hưởng:

Người lao động bị ốm đau, không phải bệnh dài ngày	Đóng BHXH dưới 15 năm	Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm	Đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên
Điều kiện làm việc bình thường	30 ngày	40 ngày	60 ngày
Điều kiện làm việc có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, PCKV 0.7 trở lên	40 ngày	50 ngày	70 ngày

Việc xác định người lao động làm nghề NN, ĐH, NH để tính thời gian hưởng chế độ ốm đau căn cứ vào nghề, công việc tại thời điểm bị ốm đau.

2.2 Mức hưởng :

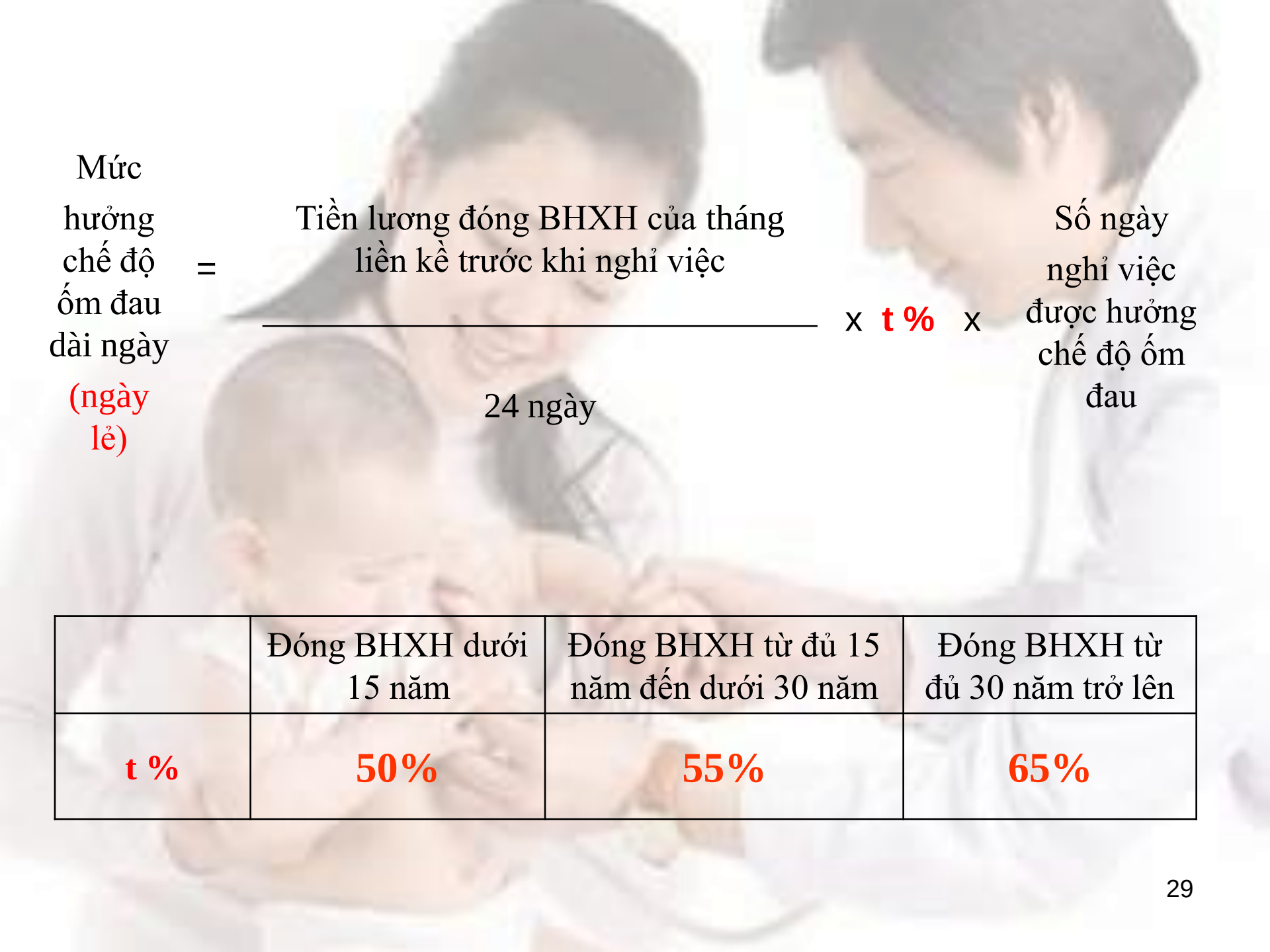
$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{hưởng} \\ \text{chế độ} \\ \text{ốm đau} \end{array} = \frac{\text{Tiền lương tháng đóng BHXH của} \\ \text{tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{24 \text{ ngày}} \times 75 \% \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{nghỉ việc} \\ \text{được hưởng} \\ \text{chế độ ốm} \\ \text{đau} \end{array}$$

3. Người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày

3.1 Thời gian hưởng: hết 180 ngày mà vẫn ốm thì được hưởng tiếp nhưng tối đa bằng thời gian tham gia BHXH.

3.2 Mức hưởng:

$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{hưởng chế} \\ \text{độ ốm đau} \\ \text{do mắc} \\ \text{bệnh dài} \\ \text{ngày} \end{array} = \frac{\text{Tiền lương tháng đóng BHXH} \\ \text{của tháng liền kề trước khi} \\ \text{nghỉ việc}}{24 \text{ ngày}} \times t \% \times \begin{array}{l} \text{Số tháng nghỉ việc} \\ \text{được hưởng chế độ ốm} \\ \text{đau} \end{array}$$



$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{hưởng} \\ \text{chế độ} \\ \text{ốm đau} \\ \text{dài ngày} \\ \text{(ngày} \\ \text{lẻ)} \end{array} = \frac{\text{Tiền lương đóng BHXH của tháng} \\ \text{liên kế trước khi nghỉ việc}}{24 \text{ ngày}} \times t \% \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{nghỉ việc} \\ \text{được hưởng} \\ \text{chế độ ốm} \\ \text{đau} \end{array}$$

	Đóng BHXH dưới 15 năm	Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm	Đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên
t %	50%	55%	65%

4. Người lao động nghỉ trông con dưới 7 tuổi bị ốm:

Thời gian hưởng:

	Con dưới 3 tuổi	Con từ 3 đến dưới 7 tuổi
Thời gian nghỉ hưởng trong 1 năm	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc

Mức hưởng :

$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{hưởng} \\ \text{chế độ} \\ \text{trông} \\ \text{con ốm} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng đóng BHXH} \\ \text{của tháng liền kề trước khi nghỉ} \\ \text{việc} \end{array}}{24 \text{ ngày}} \times 75\% \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{nghỉ việc} \\ \text{được hưởng} \\ \text{chế độ ốm} \\ \text{đau} \end{array}$$

5. Lưu ý:

- Mức hưởng chế độ ốm đau không được điều chỉnh khi Chính phủ điều chỉnh lương tối thiểu vùng, lương cơ sở.
- Người lao động nghỉ việc do ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH. Thời gian này không tính hưởng BHXH

6. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau:

Người lao động đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm, trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ khi người lao động trở lại làm việc mà sức khỏe chưa hồi phục.

Nếu có thời gian từ năm trước chuyển sang thì thời gian nghỉ đó tính cho năm trước.

	Thời gian hưởng	Mức hưởng 01 ngày
Bệnh dài ngày	10 ngày	= 30 % lương cơ sở. (= 345.000 đồng)
Bệnh phải phẫu thuật	7 ngày	
Trường hợp khác	5 ngày	

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Đối tượng:

Người lao động quy định tại điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 điều 2

2. Điều kiện hưởng:

- a. Lao động nữ mang thai;
- b. **Lao động nữ sinh con;**
- c. **Lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ;**
- d. **Người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi;**
- đ. Lao động nữ đặt vòng tránh thai, người lao động thực hiện biện pháp triệt sản;
- e. Lao động nam đang đóng BHXH có vợ sinh con.

Các trường hợp b,c,d phải đóng BHXH từ đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi. Trong trường hợp b, c được chỉ định nghỉ dưỡng thai thì phải đóng BHXH từ đủ 3 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con

3. Thời gian hưởng:

3.1. Khám thai:

Trong thời gian mang thai, lao động nữ được đi khám thai 5 lần, mỗi lần 1 ngày; trường hợp xa cơ sở y tế hoặc thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được nghỉ 2 ngày/1 lần khám thai.

Thời gian nghỉ tính theo ngày làm việc.

3.2. Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý:

Tuổi thai (tính tuần)	Dưới 5	Từ 05 - dưới 13	Từ 13 - dưới 25	Từ 25 trở lên
Thời gian hưởng	10 ngày	20 ngày	40 ngày	50 ngày

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

3.3. Khi thực hiện biện pháp tránh thai:

- Đặt vòng tránh thai: nghỉ 7 ngày;
- Triệt sản: nghỉ 15 ngày;

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

3.4. Khi sinh con:

Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh 6 tháng trong đó thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 2 tháng. Sinh đôi trở lên, cứ mỗi con nghỉ thêm 1 tháng.

Lao động nam đang đóng BHXH có vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau:

05 ngày làm việc	07 ngày làm việc	10 ngày làm việc	14 ngày làm việc
Sinh thường	- Sinh con phải phẫu thuật - Sinh con dưới 32 tuần tuổi	- Sinh đôi. - Sinh 3 trở lên, cứ 01 con nghỉ thêm 03 ngày	Sinh đôi phải phẫu thuật

4. Mức hưởng:

Mức hưởng khi sinh con hoặc nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi	=	Mức bình quân tiền lương đóng BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc	$\times 100\%$	$\times$ số tháng nghỉ việc sinh con , nuôi con nuôi
---	---	--	----------------	--

Mức hưởng khám thai, lao động nam nghỉ việc khi vợ sinh con	=	$\frac{\text{Mức bình quân tiền lương đóng BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{24 \text{ ngày}}$	$\times 100\%$	$\times$ Số ngày nghỉ
---	---	---	----------------	-----------------------

Mức hưởng khi sảy, nạo, hút, phá thai bệnh lý, đặt vòng, triệt sản	=	$\frac{\text{Mức bình quân tiền lương đóng BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{30 \text{ ngày}}$	$\times 100\%$	$\times$ Số ngày nghỉ
--	---	---	----------------	-----------------------

5. Các lưu ý

1.- Thời gian nghỉ việc trước và sau khi sinh không quá 6 tháng:

+ Trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước khi sinh mà thai chết lưu, nếu đủ điều kiện (đóng 6 tháng) thì ngoài chế độ thai sản đối với thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ thời điểm thai chết lưu.

+ LĐ nữ nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, sau khi sinh con mà con bị chết, nếu đủ điều kiện (đóng 6 tháng) thì ngoài chế độ thai sản đối với thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, còn hưởng chế độ thai sản do con chết. (con dưới 02 tháng tuổi bị chết thì mẹ được nghỉ việc 04 tháng tính từ ngày sinh con; nếu con từ 02 tháng tuổi trở lên bị chết thì mẹ được nghỉ việc 02 tháng tính từ ngày con chết, nhưng thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản không vượt quá 6 tháng)

2. - Trường hợp sau khi sinh con, mẹ chết:

Tham gia BHXH		Đối tượng hưởng	Thời gian hưởng	Mức hưởng
Cha	Mẹ			
Không	Có	Cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng	Thời gian còn lại của mẹ	Mức bq tiền lương tháng đóng BHXH 6 tháng của mẹ
Có	Có		Được nghỉ việc hưởng chế độ TS đối với thời gian còn lại của mẹ	Mức bq tiền lương đóng BHXH 6 tháng của cha
Không	Có nhưng không đủ điều kiện		Cho đến khi con đủ 6 tháng	Mức bq tiền lương các tháng đóng BHXH của mẹ
Có	Có nhưng không đủ điều kiện		Được nghỉ việc hưởng chế độ TS cho đến khi con đủ 6 tháng	Mức bq tiền lương đóng BHXH 6 tháng của cha
Có	Không		Cho đến khi con đủ 6 tháng	Mức bq tiền lương đóng BHXH 6 tháng của cha

3.- Thời gian đóng BHXH để tính điều kiện hưởng trợ cấp thai sản của lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi:

a) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi trước ngày 15 của tháng, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi không tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

b) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi từ ngày 15 trở đi của tháng và tháng đó có đóng bảo hiểm xã hội, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi được tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi. Trường hợp tháng đó không đóng bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định.

Ví dụ: Tháng 8/2017, chị B chấm dứt hợp đồng lao động và sinh con ngày 14/12/2017, thời gian 12 tháng trước khi sinh con được tính từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2017.

4. Điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con được hưởng dẫn cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội thì cha phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con;

b) Đối với người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con.

5. Trong thời gian đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con: mà lao động nữ phải nghỉ việc để khám thai, sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý, thực hiện các biện pháp tránh thai thì được hưởng chế độ thai sản theo quy định.

Điều kiện lao động nữ được đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ thai sản theo quy định

Lao động nữ có thể đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con hoặc con chết sau khi sinh con khi có đủ điều kiện sau đây:

- + Sau khi đã nghỉ ít nhất 4 tháng;
- + Phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý;

Ngoài tiền lương, tiền công của những ngày đi làm việc, lao động nữ còn được hưởng trợ cấp thai sản đến hết thời hạn theo quy định.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai hộ

1. Khám thai; Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý : tương tự lao động nữ đang đóng BHXH bắt buộc
2. Thai sản: Nếu đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 (đóng đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con) hoặc khoản 3 điều 31 Luật BHXH (đóng đủ 3 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con) thì được trợ cấp thai sản.
3. Nghỉ việc hưởng thai sản cho đến khi giao con nhưng không quá 6 tháng (nếu sinh 1 con). Trường hợp kể từ thời điểm sinh con đến thời điểm giao con hoặc thời điểm con chết chưa đủ 60 ngày thì được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đến khi đủ 60 ngày.
4. Nghỉ dưỡng sức Phục hồi sức khỏe.
5. Chồng đang đóng BHXH vào quỹ OĐ, TS cũng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ nhờ mang thai hộ

Người mẹ nhờ mang thai hộ có đóng BHXH từ đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con thì được trợ cấp thai sản:

- Trợ cấp 1 lần cho mỗi con bằng 2 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con **nếu lao động nữ mang thai hộ không tham gia BHXH hoặc không đủ điều kiện.**

- Nếu lao động nữ (cả mang thai hộ và nhờ mang thai hộ) không tham gia BHXH hoặc không đủ điều kiện đóng BHXH thì người chồng của người nhờ mang thai hộ có đóng BHXH sẽ được trợ cấp 2 tháng lương cơ sở cho mỗi con.

- Nghỉ việc hưởng thai sản từ thời điểm nhận con đến khi con đủ 6 tháng, nếu sinh đôi cứ thêm 1 con thì nghỉ thêm 1 tháng.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ nhờ mang thai hộ

- Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ chết hoặc không đủ sức khỏe chăm sóc con chưa đủ 6 tháng tuổi thì người chồng hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng nếu không nghỉ việc thì ngoài tiền lương còn được hưởng chế độ thai sản đối với thời gian còn lại của người mẹ nhờ mang thai hộ.
- Trường hợp con chết thì người mẹ nhờ mang thai hộ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản: (con dưới 2 tháng chết -> nghỉ 4 tháng tính từ ngày con sinh; con trên 2 tháng chết -> nghỉ 2 tháng tính từ ngày con chết)

7. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản

Trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc sau thời gian hưởng chế độ khi sảy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu **hoặc** sau khi hết thời gian hưởng chế độ sinh con **hoặc** sau khi sinh con mà con chết, sức khỏe chưa hồi phục.

Đủ điều kiện nghỉ DSPHSK năm nào thì tính cho năm đó.

	Thời gian hưởng	Mức hưởng 01 ngày
Sinh một lần từ 2 con	10 ngày	= 30% Lương cơ sở = (345.000 đồng)
Sinh phải phẫu thuật	7 ngày	
Trường hợp khác	5 ngày	

TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Khái niệm: (theo điều 142, 143 Bộ Luật lao động năm 2012)

a. Tai nạn lao động (TNLD):

Là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Có nhiều nguyên nhân gây tai nạn lao động: công tác an toàn lao động không thực hiện tốt, ý thức kỷ luật lao động kém, tâm lý lao động không ổn định ...

b. Bệnh nghề nghiệp (BNN):

Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

Có nhiều nguyên nhân gây BNN: yếu tố vật lý (t^0 , độ ẩm, tiếng ồn..) yếu tố hóa học (chất độc, các loại hơi, khí độc, bụi độc...), yếu tố sinh hóa (sinh vật, vi sinh vật, siêu vi khuẩn...)

Phân loại TNLD

- a) Tai nạn lao động chết người là tai nạn mà người bị nạn:
- Chết ngay tại nơi xảy ra tai nạn hoặc chết trên đường đi cấp cứu;
 - Chết trong thời gian cấp cứu;
 - Chết trong thời gian đang điều trị;
 - Chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động gây ra (theo kết luận tại biên bản khám nghiệm pháp y).
- b) Tai nạn lao động nặng là tai nạn mà người bị nạn bị ít nhất một trong những chấn thương
- c) Tai nạn lao động nhẹ.

2. Điều kiện hưởng:

- * Bị tai nạn tại nơi làm việc và trong giờ làm việc bao gồm:
 - Tai nạn xảy ra trong lao động gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công;
 - Tai nạn trong thời gian ngừng việc giữa giờ do nhu cầu sinh hoạt đã được chế độ, nội quy quy định như vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh;
 - Tai nạn trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, trong thời gian chuẩn bị và kết thúc công việc.
- * Bị tai nạn ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động mà các công việc đó gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động được phân công.
- * Bị tai nạn trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường mà hằng ngày, người lao động vẫn thường xuyên đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại.

Bệnh nghề nghiệp: Người lao động mắc một trong các bệnh do Bộ lao động –Thương binh- Xã hội và Bộ Y tế ban hành khi làm việc ở môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại.

3.1. Thời gian hưởng:

a. Hưởng hàng tháng:

- Từ tháng người lao động điều trị xong ra viện.
- Từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

b. Hưởng 1 lần: Từ thời điểm cơ quan BHXH ra quyết định

3.2. Mức hưởng:

Căn cứ vào tỷ lệ suy giảm khả năng lao động và thời gian đóng BHXH của người lao động để tính trợ cấp.

Có hai loại trợ cấp: Trợ cấp 1 lần nếu suy giảm khả năng lao động từ 5% - 30% và Trợ cấp hàng tháng nếu suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.

a) Trợ cấp 1 lần:

Tính theo mức suy giảm khả năng lao động: suy giảm 5% hưởng 5 tháng L_{cs} ; cứ suy giảm thêm 1% thì hưởng thêm 0,5 tháng L_{cs}

Tính theo số năm đã đóng BHXH: từ 1 năm trở xuống tính bằng 0,5 tháng, cứ thêm mỗi năm đóng BHXH được tính thêm 0,3 tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị:

$$\begin{aligned} \text{Mức trợ cấp một lần} &= \begin{array}{c} \text{Mức trợ cấp tính theo mức suy} \\ \text{giảm khả năng lao động} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Mức trợ cấp tính theo số} \\ \text{năm đóng BHXH} \end{array} \\ &= \{5 \times L_{cs} + (m-5) \times 0,5 \times L_{cs}\} + \{0,5 \times L + (t-1) \times 0,3 \times L\} \end{aligned}$$

b) Trợ cấp hàng tháng:

Tính theo mức suy giảm khả năng lao động: suy giảm 31% hưởng 30% L_{min} ; nếu suy giảm thêm 1% thì hưởng thêm 2% L_{CS} .

Tính theo số năm đóng BHXH: từ 1 năm trở xuống tính 0.5%, cứ thêm mỗi năm đóng BHXH tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

Mức

$$\begin{array}{l} \text{trợ} \\ \text{cấp} \\ \text{hàng} \\ \text{tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động} + \text{Mức trợ} \\ \text{cấp tính theo số năm đóng BHXH} \\ \{0,3 \times L_{cs} + (m-31) \times 0,02 \times L_{cs}\} + \{0,05 \times L + (t-1) \times 0,03 \times L\} \end{array}$$

3.3. Trợ cấp khác:

Ngoài trợ cấp TNLĐ, BNN người bị TNLĐ, BNN còn được :

a. Trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình:

Nếu bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì được cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật.

b. Trợ cấp phục vụ:

Người bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì còn được hưởng trợ cấp phục vụ hàng tháng bằng mức lương cơ sở.

c. Trợ cấp chết do TNLĐ, BNN

Nếu bị chết do TNLĐ, BNN kể cả trong thời gian điều trị lần đầu thì thân nhân được trợ cấp bằng 36 tháng lương cơ sở.

Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau TNLĐ, BNN:

Trong khoảng thời gian 60 ngày tính từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa mà sức khỏe còn yếu thì người lao động được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

	Thời gian hưởng	Mức hưởng
Suy giảm KNLĐ từ 51%	10 ngày	- 25% L_{CS} (nếu nghỉ tại gia đình); - 40% L_{CS} (nếu nghỉ tại cơ sở tập trung, đã bao gồm tiền đi lại, tiền ăn và ở);
Suy giảm KNLĐ từ 31% đến 50%	7 ngày	
Suy giảm KNLĐ từ 15% đến 30%	5 ngày	

4. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi xảy ra TNLĐ

- Kịp thời sơ cứu, cấp cứu người bị nạn.
- Nếu TNLĐ làm chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên, báo ngay cho Thanh tra Sở LĐTBXH cấp tỉnh, Công an cấp huyện nơi xảy ra tai nạn và cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của mình (nếu có)
- Giữ nguyên hiện trường những vụ tai nạn chết người, tai nạn nặng.
- Cung cấp ngay tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai TNLĐ cấp trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu, đồ vật, phương tiện đó.
- Tạo điều kiện cho người có liên quan đến vụ tai nạn cung cấp thông tin cho Đoàn điều tra TNLĐ khi được yêu cầu.
- Tổ chức điều tra các vụ TNLĐ xảy ra tại nơi làm việc của cơ sở mình trừ trường hợp chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên. Nếu người lao động bị tai nạn thuộc quyền quản lý của cơ sở khác thì cơ sở để xảy ra tai nạn chủ trì và phối hợp với cơ sở quản lý người lao động bị tai nạn tiến hành điều tra theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra TNLĐ.

- Thông báo đầy đủ thông tin liên quan về TNLĐ tới tất cả người lao động thuộc cơ sở của mình.

- Hoàn chỉnh hồ sơ và lưu trữ hồ sơ TNLĐ :

+ 15 năm đối với vụ TNLĐ chết người;

+ Đến khi người bị TNLĐ nghỉ hưu đối với vụ tai nạn lao động khác

- Thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho việc điều tra TNLĐ kể cả việc điều tra lại TNLĐ, bao gồm:

+ Dựng lại hiện trường;

+ Chụp, in, phóng ảnh hiện trường và nạn nhân;

+ Trưng cầu giám định kỹ thuật, giám định pháp y (khi cần thiết);

+ Khám nghiệm tử thi;

+ In ấn các tài liệu liên quan đến vụ TNLĐ;

+ Phương tiện đi lại phục vụ cho việc điều tra TNLĐ;

+ Tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra TNLĐ

Các khoản chi phí nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị và là chi phí hợp lý khi tính thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Thực hiện các biện pháp khắc phục và giải quyết hậu quả do tai nạn lao động gây ra; tổ chức rút kinh nghiệm; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị ghi trong Biên bản điều tra TNLĐ; xử lý theo thẩm quyền những người có lỗi để xảy ra TNLĐ.

Ngoài ra, người sử dụng lao động có trách nhiệm :

- Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do BHYT chi trả đối với người lao động tham gia BHYT và thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia BHYT.

- Trả đủ tiền lương theo HĐLĐ cho người lao động bị TNLĐ, BNN phải nghỉ việc trong thời gian điều trị.

- Bồi thường cho người lao động theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật Lao động:

- + Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương theo HĐLĐ nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% KNLĐ; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương theo HĐLĐ nếu bị suy giảm KNLĐ từ 11% đến 80%;

- + Ít nhất 30 tháng tiền lương theo HĐLĐ cho người lao động bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động.

(tham khảo thêm điều 139 – 146 Bộ Luật Lao động sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/5/2013)

- Giới thiệu người lao động đi giám định y khoa (kể cả đi giám định lại, giám định tổng hợp) để làm căn cứ xét hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN.

- Sau khi có kết quả giám định, nếu tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì lập hồ sơ TNLĐ chuyển đến cơ quan BHXH để xem xét, giải quyết.

- Nếu người bị TNLĐ còn tiếp tục làm việc, thì phải sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa lao động.

Tất cả các vụ TNLĐ phải được thống kê và báo cáo định kỳ theo quy định.

**TỪ 01/7/2016 CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG,
BỆNH NGHỀ NGHIỆP QUY ĐỊNH TRONG LUẬT
BHXH SẼ THỰC HIỆN THEO LUẬT AN TOÀN
VỆ SINH LAO ĐỘNG.**

CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

1. Đối tượng: Người đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH

2. Điều kiện hưởng:

2.1 Lao động nữ hoạt động không chuyên trách ở xã phường thị trấn đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm

2.2 Lao động đang tham gia BHXH mà đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên và thuộc 1 trong các trường hợp sau đây:

Tuổi		Thời gian đóng BHXH	Điều kiện khác
Nam	Nữ		
60	55	20 năm	
55	50		15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, PCKV 0,7
50			15 khai thác hầm lò
Không giới hạn tuổi			Nhiễm HIV/AIDS do rủi ro bệnh nghề nghiệp

Điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động

Từ	Điều kiện				
	Tuổi		Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Thời gian đóng BHXH	Khác
	Nam	Nữ			
01/2016	51	46	61% -> 80%	20 năm	
01/2017	52	47			
01/2018	53	48			
01/2019	54	49			
01/2020	55	50			
	50	45	81%		15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
	Không phân biệt		61%		

3. Tỷ lệ hưởng lương hưu

Lao động	Từ	Số năm đóng BHXH	Tỷ lệ hưởng lương hưu			Mỗi năm nghỉ trước tuổi			Mức lương hưu tối thiểu
			Tỷ lệ tương ứng	Tỷ lệ thêm 1 năm	Tỷ lệ tối đa	Tỷ lệ trừ	Tháng lẻ		
							<= 6	> 6	
Nam	01/2016	15	45%	2%	75%	-1%			Mức Lcs
Nữ				3%					
Nam	01/2018	16		2%		-2%	-1%		
	01/2019	17							
	01/2020	18							
	01/2021	19							
	01/2022	20							
Nữ	01/2018	15							
LĐ nữ XP KCT	01/2016	15							

4. Cách tính lương hưu:

Lương hưu = Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH x tỷ lệ % lương hưu.

Trong đó: Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu tính như sau:

a) Đối với người có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định:

Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của **t** năm cuối trước
khi nghỉ việc

$$M_{\text{bqtl}} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của } t \text{ năm cuối trước khi nghỉ việc}}{(t \times 12) \text{ tháng}}$$

t	Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội
= 5	Tham gia BHXH trước ngày 01/01/1995
= 6	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/1995 đến 31/12/2000.
= 8	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2001 đến 31/12/2006.
= 10	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2007 đến 31/12/2015.
= 15	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2016 đến 31/12/2019
= 20	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2020 đến 31/12/2024
Tham gia từ 01/01/2025 => Tính bình quân toàn bộ quá trình đóng BHXH ⁶³	

b) Đối với người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo tiền lương do người sử dụng lao động quyết định đi:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH}}{\text{Tổng số tháng đóng BHXH}}$$

c) Đối với người lao động vừa có thời gian đóng BHXH theo tiền lương do người sử dụng lao động quyết định vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định:

$$M_{bqtl} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền lương tháng} \\ \text{đóng BHXH theo chế độ} \\ \text{tiền lương do Nhà nước quy} \\ \text{định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền lương tháng đóng} \\ \text{BHXH theo chế độ tiền lương do} \\ \text{người sử dụng lao động quyết} \\ \text{định} \end{array}}{\text{Tổng số tháng đóng BHXH}}$$

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.1 Thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 tháng liền kề sau tháng sinh của năm mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Ông A sinh ngày 01/3/1956, làm việc trong điều kiện bình thường. Thời điểm ông A đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/4/2016.

5.2 Trường hợp tháng sinh là tháng 12 thì thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 của tháng 01 năm liền kề sau năm mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Ông M sinh ngày 01/12/1956, làm việc trong điều kiện bình thường. Thời điểm ông M đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/01/2017.

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.3 Thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu đối với trường hợp không xác định được ngày sinh, tháng sinh (chỉ ghi năm sinh) là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Bà C làm việc trong điều kiện bình thường, trong hồ sơ chỉ ghi sinh năm 1961. Thời điểm bà C đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/01/2017.

5.4 Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động đối với người có đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng BHXH được tính từ ngày 01 tháng liền kề sau tháng có kết luận bị suy giảm khả năng lao động.

Ví dụ: Bà D sinh ngày 10/5/1965, có thời gian đóng BHXH bắt buộc là 23 năm. Ngày 05/7/2016, Hội đồng Giám định y khoa kết luận bà D bị suy giảm KNLD 61%. Thời điểm bà D đủ điều kiện hưởng lương hưu là ngày 01/8/2016.

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.4 Người lao động đủ điều kiện về tuổi hưởng lương hưu mà thời gian đóng BHXH bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng thì được đóng một lần cho số tháng còn thiếu theo mức tiền lương tháng đóng BHXH trước khi nghỉ việc vào quỹ hưu trí và tử tuất để hưởng lương hưu. Người lao động được hưởng lương hưu tại tháng đủ điều kiện về tuổi hưởng lương hưu và đã đóng đủ BHXH cho số tháng còn thiếu.

Ví dụ: Ông C sinh tháng 3/1956, làm việc trong điều kiện bình thường, đến hết tháng 3/2016 ông C có 19 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Trường hợp ông C đóng một lần cho 5 tháng còn thiếu vào tháng 4/2016 thì ông C được hưởng lương hưu từ tháng 4/2016.

Trường hợp ông C đến tháng 7/2016 mới đóng một lần cho 5 tháng còn thiếu thì được hưởng lương hưu từ tháng 7/2016.

Lưu ý:

1. Người có đủ 15 năm làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định chuyển sang làm công việc khác **hoặc** Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội nhân dân, sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân chuyển ngành làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định **mà đóng BHXH có mức lương thấp hơn thì khi nghỉ hưu được lấy mức lương cao nhất của công việc nêu trên hoặc mức tiền lương trước khi chuyển ngành tương ứng với số năm quy định để tính mức bình quân tiền lương làm cơ sở tính hưởng lương hưu**

2. Người đóng BHXH trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định mà hưởng BHXH từ ngày 01/01/2016 trở đi thì tiền lương tháng đóng BHXH làm căn cứ tính hưởng BHXH được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ việc để làm cơ sở tính hưởng BHXH.

3. Người thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định đã đóng BHXH bao gồm PCTNN sau đó chuyển sang ngành nghề không được hưởng PCTNN và trong tiền lương tháng đóng BHXH làm căn cứ tính lương hưu không có PCTNN thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH tại thời điểm nghỉ hưu, cộng thêm khoản PCTNN (nếu đã được hưởng) tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội bao gồm phụ cấp thâm niên nghề, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm cơ sở tính lương hưu.

5. Điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH

Tiền lương đã đóng BHXH để làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định tham gia BHXH trước ngày 01/01/2016 được điều chỉnh theo mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng chế độ.

Đối với người lao động đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định và người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định tham gia BHXH sau ngày 01/01/2016 được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

Mức điều chỉnh tiền lương tháng đóng BHXH năm 2016

Năm	Trước 1995	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Mức điều chỉnh	4,29	3,64	3,44	3,33	3,09	2,96	3,01	3,02	2,91	2,82	2,62	2,42
Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Mức điều chỉnh	2,25	2,08	1,69	1,58	1,45	1,22	1,12	1,05	1,01	1,00	1,00	

Mức điều chỉnh thu nhập tháng đóng BHXH tự nguyện năm 2016

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Mức điều chỉnh	1,69	1,58	1,45	1,22	1,12	1,05	1,01	1,00	1,00

6. Tạm dừng, hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng

Tạm dừng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng:

- Xuất cảnh trái phép;
- Bị Tòa án tuyên bố mất tích;
- Có căn cứ xác định hưởng BHXH không đúng quy định.

Hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng:

- Người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp;
- Có quyết định của TA hủy bỏ tuyên bố mất tích;

Người bị tòa án tuyên bố mất tích sau đó tuyên bố là đã chết thì thời gian tạm dừng từ lúc tuyên bố mất tích đến lúc chết không được truy lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng.

7. Chế độ bảo hiểm xã hội đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ra nước ngoài để định cư

+ **Đối với người đang hưởng lương hưu:** được tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội trong đó mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014 được tính bằng 1,5 tháng lương hưu đang hưởng, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi được tính bằng 02 tháng lương hưu đang hưởng; sau đó mỗi tháng đã hưởng lương hưu thì mức trợ cấp một lần trừ 0,5 tháng lương hưu. Mức thấp nhất bằng 03 tháng lương hưu đang hưởng.

+ **Đối với người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng (MSLĐ, TNLĐ, BNN, CNCS, tuất, 91/QĐ-TTg, 613/QĐ-TTg)** bằng 03 tháng trợ cấp đang hưởng.

V. TRỢ CẤP BHXH 1 LẦN

1. Điều kiện hưởng:

- Đủ tuổi hưởng lương hưu nhưng **đóng BHXH chưa đủ 20 năm**;
- Sau một năm nghỉ việc nếu không đóng BHXH và có yêu cầu nhận trợ cấp BHXH 1 lần mà **chưa đủ 20 năm đóng BHXH** (theo Nghị quyết 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015)
- Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế;
- Ra nước ngoài để định cư.

V. TRỢ CẤP BHXH 1 LẦN

2. Mức hưởng:

Tính theo số năm đã đóng BHXH, cứ mỗi năm được tính như sau:

= 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng trước năm 2014;

= 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi;

Nếu thời gian đóng BHXH có tháng lẻ: từ 1-6 tháng tính $\frac{1}{2}$ năm; từ 7-11 tháng tính 1 năm.

Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ một năm thì mức hưởng bằng 22% số tiền đã đóng, mức tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Lợi ích của hưởng lương hưu so với trợ cấp BHXH 1 lần:

Giả định người lao động về hưu năm 2016, có 20 năm đóng BHXH mức bình quân tiền lương đóng BHXH là 4 triệu đồng.

Không tính tác động của các yếu tố: tỷ lệ lạm phát, tốc độ tăng lương, lãi suất đầu tư quỹ BHXH

Nếu hưởng BHXH 1 lần: Nam và nữ đều hưởng mức 124 triệu đồng.

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Nếu hưởng lương hưu:

➤ Lao động nam

Tỷ lệ hưởng lương hưu (20 năm) = 55%.

Lương hưu hàng tháng: 4 triệu x 55% = 2,2 triệu/ tháng.

Kỳ vọng sống của nam giới ở độ tuổi 60 là 18,1 năm (217 tháng) thì lương hưu nhận được đến khi chết là:

$$\Sigma \text{lương hưu} = 217 \text{ tháng} \times 2,2 = 474,4 \text{ triệu đồng.}$$

➤ Lao động nữ

Tỷ lệ hưởng lương hưu (20 năm) = 60%.

Lương hưu hàng tháng: 4 triệu x 55% = 2,2 triệu/ tháng.

Kỳ vọng sống của nữ giới ở độ tuổi 55 là 24,5 năm (294 tháng) thì lương hưu nhận được đến khi chết là:

$$\Sigma \text{lương hưu} = 294 \text{ tháng} \times 2,2 = 756 \text{ triệu đồng.}$$

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Nếu hưởng lương hưu:

Mua thẻ BHYT: 4,5%: gần 21,5 triệu đồng (đối với nam) và gần 29,1 triệu đồng (đối với nữ).

Khi chết hưởng mai táng phí: 10 tháng lương cơ sở = 11,5 triệu đồng.

Tuất 1 lần (mức thấp nhất) = $3 \times 2,2$ triệu = 6,6 triệu đồng.

Tổng các khoản:

Nam: 516 triệu đồng; Nữ: 756 triệu đồng.

So sánh

Giới tính	Hưởng BHXH 1 lần	Hưởng lương hưu hàng tháng
Nam	124 triệu	516 triệu
Nữ	124 triệu	756 triệu

CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT

1. Đối tượng hưởng trợ cấp mai táng:

- Người đang tham gia hoặc đang bảo lưu mà đóng BHXH từ đủ 12 tháng trở lên;
 - Người đang hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hàng tháng đã nghỉ việc.
 - Người chết do TNLĐ, BNN hoặc chết trong thời gian điều trị TNLĐ, BNN
- * Những trường hợp nêu trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng.

2. Mức hưởng:

Người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương cơ sở (hiện nay là 11.500.000 đồng)

Ngoài ra thân nhân được xét hưởng tuất hàng tháng hoặc tuất 1 lần.

3. Chế độ tuất hàng tháng:

3.1 Điều kiện:

- a. Đã đóng BHXH đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng trợ cấp BHXH 1 lần;
- b. Đang hưởng lương hưu; MSLĐ hàng tháng
- c. Chết do TNLĐ, BNN (kể cả chết trong thời gian điều trị lần đầu);
- d. Đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hàng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

3.2 Đối tượng xét hưởng:

- + Con chưa đủ 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu bị suy giảm khả năng lao động (KNLĐ) từ 81% trở lên; con sinh ra sau khi người bố chết mà người vợ đang mang thai
- + Vợ (hoặc chồng), cha mẹ hai bên, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của Luật HNGĐ nếu từ đủ 60 tuổi đối với nam, từ đủ 55 tuổi đối với nữ.

+ Vợ (hoặc chồng), cha mẹ hai bên, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ và suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên.

Thân nhân phải không có thu nhập hoặc có thu nhập hàng tháng nhưng thấp hơn lương cơ sở, không bao gồm khoản trợ cấp theo pháp luật ưu đãi người có công.

3.3. Thời điểm hưởng:

Từ tháng liền kề sau tháng mà người lao động, người hưởng lương hưu, trợ cấp MSLĐ, TNLĐ, BNN chết.

3.4. Số lượng thân nhân xét hưởng:

01 người chết => không quá 04 thân nhân.

từ 02 người chết => hưởng 2 lần mức trợ cấp nêu trên.

3.4. Mức hưởng hàng tháng:

Mỗi thân nhân = 50% mức lương cơ sở hoặc 70% mức lương cơ sở nếu không có người trực tiếp nuôi dưỡng.

Ví dụ: Bà Tr có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc 20 năm, có một con 5 tuổi. Hai vợ chồng bà Tr không may bị chết trong một vụ tai nạn giao thông. Con của bà Tr được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở.

4. Thời hạn đề nghị khám giám định mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp tuất hằng tháng như sau:

Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày người tham gia bảo hiểm xã hội chết thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị;

Trong thời hạn 04 tháng trước hoặc sau thời điểm thân nhân hết thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị.

4. Chế độ tuất 1 lần:

4.1 Điều kiện:

- Người lao động đóng dưới 15 năm mà chưa nhận trợ cấp BHXH 1 lần.
- Người đang hưởng lương hưu, MSLĐ hàng tháng, trợ cấp theo NĐ 09/1998/NĐ-CP mà không có thân nhân đủ điều hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.
- Người đã nghỉ việc đang hưởng TNLĐ, BNN dưới 61%, CNCs, QĐ 91/2000/QĐ-TTg; QĐ 613/QĐ-TTg.
- Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên;
- Trường hợp không có thân nhân quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật này thì trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Chế độ tuất 1 lần:

4.2 Đối tượng hưởng:

Thân nhân của người chết hoặc thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trường hợp không có thân nhân theo quy định thì chia theo pháp luật thừa kế.

Đối với trường hợp chọn hưởng tuất 1 lần thì tất cả các thân nhân hưởng tuất hàng tháng phải có biên bản họp thống nhất chọn hưởng tuất 1 lần.

4.3 Thời điểm hưởng:

Từ lúc cơ quan BHXH ra quyết định.

4.4. Mức hưởng:

Được tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội như sau:

- a) 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng trước năm 2014;
- b) 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi.

Người đang đóng hoặc đang bảo lưu chết mà thời gian đóng BHXH có tháng lẻ từ 1 đến 6 tháng: $\frac{1}{2}$ năm; từ 7 đến 11 tháng: 1 năm.

Ví dụ: Ông T bị ốm chết, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2005 đến 3/2017. Ông T có mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là 5.000.000 đồng/tháng. Ông T có 8 năm 03 tháng đóng BHXH ở giai đoạn trước ngày 01/01/2014; có 3 năm 03 tháng đóng BHXH ở giai đoạn từ ngày 01/01/2014 trở đi.

Mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của ông T được tính như sau (08 năm đóng trước năm 2014 và 3 năm 6 tháng đóng từ năm 2014 trở đi):

$$[(8 \times 1,5) + (3,5 \times 2)] \times 5.000.000 \text{ đồng} = 95.000.000 \text{ đồng.}$$

Đối với người đang hưởng lương hưu: nếu chết trong 2 tháng đầu hưởng lương hưu thì tính bằng 48 tháng lương hưu đang hưởng; nếu chết vào những tháng tiếp theo, cứ hưởng thêm 1 tháng lương hưu thì mức trợ cấp giảm đi 0,5 tháng lương hưu đang hưởng nhưng mức thấp nhất bằng 3 tháng lương hưu đang hưởng trước khi chết.

Mức hưởng trợ cấp tuất 1 lần
đối với người đang hưởng lương hưu

$$= 48 \times L_h - (t - 2) \times 0.5 \times L_h$$

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

Mức đóng, phương thức đóng BHXH tự nguyện.

Phương thức đóng:

Phương thức đóng	Hàng tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	Đóng 1 lần cho nhiều năm về sau (không quá 5 năm)	Đóng 1 lần cho những năm còn thiếu (không quá 10 năm)
Thời điểm đóng	Trong tháng	Trong 3 tháng	Trong 4 tháng đầu	Trong 7 tháng đầu		
Điều kiện khác						Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi

Hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện

Mức đóng:

A < 22% mức thu nhập tháng do người lao động chọn < B

A: Mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn

B: 20 Lần lương cơ sở.

- Mức đóng 1 lần cho nhiều năm về sau: tổng mức đóng của các tháng đóng trước, chiết khấu theo lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân tháng do Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố của năm trước liền kề với năm đóng.

- Mức đóng một lần cho những năm còn thiếu: tổng mức đóng của các tháng còn thiếu, áp dụng lãi gộp bằng lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân tháng do Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố của năm trước liền kề với năm đóng.

Hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện

Hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện:

Nhà nước hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện cho các đối tượng tham gia theo tỷ lệ như sau:

- 30% đối với người tham gia thuộc hộ nghèo;
- 25% đối với người tham gia thuộc hộ cận nghèo;
- 10% đối với trường hợp khác;

Chế độ hưu trí

1. Điều kiện: Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên.

2. Tỷ lệ hưởng:

Từ 01/01/2016 – 31/12/2017: tỷ lệ lương hưu vẫn giữ nguyên theo quy định của Luật BHXH năm 2006.

Từ 01/01/2018: tỷ lệ lương hưu tính như sau:

Lao động	Từ	Số năm đóng BHXH	Tỷ lệ hưởng lương hưu		
			Tỷ lệ tương ứng	Tỷ lệ thêm 1 năm	Tỷ lệ tối đa
Nam	2016	15	45%	2%	75%
Nữ				3%	
Nam	2018	16		2%	
	2019	17			
	2020	18			
	2021	19			
	2022	20			
Nữ	2018	15			

92

3. Đối với người lao động trước đó có quá trình tham gia BHXH bắt buộc:

3.1 Thời gian tính hưởng chế độ hưu trí là tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện.

3.2 Điều kiện hưởng lương hưu:

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thời gian tính hưởng chế độ hưu trí từ đủ 20 năm trở lên thì điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

b) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có từ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu được thực hiện như người có toàn bộ thời gian đóng BHXH bắt buộc.

3.3 Mức lương hưu:

Lương hưu = Mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đóng BHXH x tỷ lệ % lương hưu.

Mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội	=	Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	xxx	Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	+	Tổng các mức thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện
		Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc		+	Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	

3.4 Thời điểm hưởng lương hưu:

- Sau tháng liền kề tháng đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định.
- Trường hợp đóng một lần cho những năm còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì thời điểm hưởng lương hưu được tính từ tháng liền kề sau tháng đóng đủ số tiền cho những năm còn thiếu.

Chế độ tử tuất

1. Trợ cấp mai táng:

- a) Người tham gia BHXH tự nguyện có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên;
 - b) Người có tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện từ đủ 60 tháng trở lên;
 - c) Người tham gia BHXH tự nguyện đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hằng tháng đã nghỉ việc;
 - d) Người đang hưởng lương hưu.
 - e) Người đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hằng tháng không nghỉ việc có thời gian đóng BHXH bắt buộc dưới 12 tháng hoặc có tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện dưới 60 tháng.
- Những trường hợp trên khi chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng

Chế độ tử tuất

2. Tuất hàng tháng:

- Đóng BHXH tự nguyện mà trước đó có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ 15 năm trở lên;
- Đang hưởng lương hưu mà trước đó có đóng BHXH bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên.
- Đang hưởng TNLĐ, BNN hàng tháng với mức suy giảm KNLĐ từ 61% trở lên.

3. Tuất 1 lần:

- Người chết không thuộc các đối tượng nêu trên.
- Người chết thuộc các đối tượng nêu trên nhưng không có thân nhân đủ điều kiện hưởng tuất hàng tháng hoặc có thân nhân đủ điều kiện hưởng tuất hàng tháng nhưng chọn hưởng tuất 1 lần trừ trường hợp có con dưới 6 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên

Chế độ tử tuất

4. Mức hưởng tuất hàng tháng:

- Tối đa không quá 4 thân nhân, mỗi thân nhân được hưởng 50% mức lương cơ sở hoặc 70% mức lương cơ sở nếu không có người trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp có từ 2 người chết trở lên thì thân nhân được hưởng 2 lần mức trợ cấp nêu trên.

5. Mức hưởng tuất 1 lần:

- Người đang đóng hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH thì hưởng như trợ cấp BHXH 1 lần. Thấp nhất bằng 3 tháng mức bình quân tiền lương đóng BHXH.

- Người đang hưởng lương hưu: nếu chết trong 2 tháng đầu hưởng lương hưu thì tính bằng 48 tháng lương hưu đang hưởng; nếu chết vào những tháng tiếp theo, cứ hưởng thêm 1 tháng lương hưu thì mức trợ cấp giảm đi 0,5 tháng lương hưu đang hưởng nhưng mức thấp nhất bằng 3 tháng lương hưu đang hưởng trước khi chết.



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN.